

Số : 1166/SGDDĐT-KHTC  
V/v báo cáo tình hình thực hiện nhiệm  
vụ xây dựng nông thôn trong lĩnh vực  
giáo dục 6 tháng năm 2017.

Đắk Nông, ngày 05 tháng 7 năm 2017

Kính gửi: Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Thực hiện công văn số 2038/BGDĐT-CSVCTBTH, ngày 12/5/2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc hướng dẫn thực hiện Chương trình MTQG XDNTM triển khai nhiệm vụ GD&ĐT giai đoạn 2016-2020, Sở Giáo dục và Đào tạo tổng hợp báo cáo tình hình thực hiện chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới thuộc lĩnh vực giáo dục 6 tháng năm 2017 như sau:

**I. Tình hình triển khai chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới thuộc lĩnh vực giáo dục 6 tháng đầu năm 2017**

**1. Công tác chỉ đạo của Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Đắk Nông**

Sở Giáo dục và Đào tạo tham mưu UBND tỉnh ban hành các Quyết định số 1397/QĐ-UBND ngày 15/8/2016 của UBND tỉnh Đắk Nông về việc ban hành kế hoạch Phổ cập giáo dục, xóa mù chữ tỉnh Đắk Nông giai đoạn 2016-2021; Quyết định số 886/QĐ-UBND ngày 30/5/2017 của UBND tỉnh Đắk Nông về việc ban hành kế hoạch xây dựng trường học trên địa bàn tỉnh Đắk Nông đạt chuẩn quốc gia đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030.

**2. Tình hình thực hiện các tiêu chí xây dựng nông thôn mới thuộc lĩnh vực giáo dục**

a. Phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội (Tiêu chí số 5 về Trường học).

Năm học 2016-2017, toàn tỉnh có 113 trường mầm non (1.215 lớp); 142 trường tiểu học (2.405 lớp); 83 trường THCS (1.170 lớp); 31 trường trung học phổ thông (513 lớp).

Về CSVC giáo dục mầm non: toàn tỉnh có 956 phòng học, đáp ứng 78,7% phòng học thực hiện chương trình giáo dục mầm non; trong đó có 96,5% phòng học kiên cố và bán kiên cố, 3,5% phòng học tạm, phòng học mượn.

Về CSVC giáo dục tiểu học: toàn tỉnh có 2.269 phòng học, đáp ứng 94,3% phòng học thực hiện hai buổi/ngày; trong đó có 96,8% phòng học kiên cố và bán kiên cố, 3,2% phòng học tạm, phòng học mượn. Về thiết bị, toàn tỉnh có 89 thư viện, 30 phòng thiết bị giáo dục, 831 máy vi tính; còn 37,3% trường chưa có thư viện, 78,8% trường chưa có phòng thiết bị giáo dục.

Về CSVC giáo dục THCS: toàn tỉnh có 892 phòng học, đáp ứng 76,2% phòng học thực hiện hai buổi/ngày, có 168 phòng học bộ môn; trong đó có 98,4% phòng học kiên cố và bán kiên cố, 1,6% phòng học tạm, phòng học mượn, có 11 phòng học đa năng, còn 86,8% trường chưa có phòng học đa năng. Về thiết bị, toàn tỉnh có 57

thư viện, 42 phòng thiết bị giáo dục, 1.914 máy vi tính; còn 31,3% trường chưa có thư viện, 49,4% trường chưa có phòng thiết bị giáo dục.

Về CSVG giáo dục Trung học phổ thông (THPT): toàn tỉnh có 556 phòng học, đáp ứng 100% phòng học thực hiện hai buổi/ngày, có 127 phòng học bộ môn; trong đó có 99,1 phòng học kiên cố và bán kiên cố, 0,9% phòng học tạm, phòng học mượn. Toàn tỉnh có 24 nhà đa năng, còn 22,5% trường chưa có nhà đa năng. Về thiết bị, toàn tỉnh có 30 thư viện, 25 phòng thiết bị giáo dục, 1.761 máy vi tính; còn 3,3% trường chưa có thư viện, 19,4% trường chưa có phòng thiết bị giáo dục.

- Số trường công nhận đạt chuẩn quốc gia :

Có 18 trường mầm non, mẫu giáo có cơ sở vật chất và trang thiết bị dạy học được công nhận đạt chuẩn quốc gia / 113 trường mầm non, mẫu giáo của các xã trên địa bàn tỉnh. Trong đó, 6 tháng đầu năm công nhận được 3 trường đạt chuẩn quốc gia.

Có 44 trường tiểu học có cơ sở vật chất và trang thiết bị dạy học đạt chuẩn quốc gia /142 trường tiểu học của các xã trên địa bàn tỉnh. Trong đó, 6 tháng đầu năm công nhận được 1 trường đạt chuẩn quốc gia.

Có 28 trường trung học cơ sở có cơ sở vật chất và trang thiết bị dạy học đạt chuẩn quốc gia /83 trường trung học cơ sở của các xã trên địa bàn tỉnh.

Có 9 trường trung học phổ thông đạt chuẩn quốc gia/ 31 trường trung học phổ thông trên toàn tỉnh.

- Tỷ lệ trường học có công trình cấp nước và nhà tiêu hợp vệ sinh : Đến hết năm 2016 lũy tích tỷ lệ trường công lập có công trình cấp nước và nhà tiêu hợp vệ sinh đạt 87,64%

b. Phát triển giáo dục ở nông thôn (Tiêu chí số 14 về Giáo dục và Đào tạo).

- Kết quả phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi của các xã trong toàn tỉnh :

Tỷ lệ trẻ em 5 tuổi ra lớp đạt 97,8%; 100% số trẻ trong độ tuổi hoàn thành chương trình giáo dục mầm non (mẫu giáo 5 – 6 tuổi); Đến nay đã có 71/71 xã, phường, thị trấn được công nhận phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi và tỉnh Đắk Nông đã được công nhận phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi vào tháng 12/2015.

- Kết quả xóa mù chữ và chống tái mù chữ của các xã trong toàn tỉnh :

Có 71/71 xã, phường thị trấn được công nhận đạt chuẩn xóa mù chữ chiếm tỷ lệ 100% ; Tỷ lệ người biết chữ trong độ tuổi 15-60 đạt 94,52%. Số người mù chữ tập trung chủ yếu ở vùng biên giới, vùng khó khăn và vùng đồng bào dân tộc thiểu số của tỉnh.

- Kết quả phổ cập giáo dục tiểu học của các xã trong toàn tỉnh :

Tỷ lệ trẻ 6 tuổi vào học lớp 1 đạt trên 99%; Tỷ lệ trẻ 11 tuổi hoàn thành chương trình tiểu học đạt 92,3%; Tổng số xã, thị trấn đạt chuẩn PCGDTHĐĐT mức độ 1: 71/71, đạt tỉ lệ 100%.

- Kết quả phổ cập giáo dục trung học cơ sở của các xã trong toàn tỉnh :

Đến nay toàn tỉnh Đắk Nông có 71/71 xã, phường, thị trấn và 8/8 huyện, thị xã đạt phổ cập giáo dục THCS, chiếm tỷ lệ 100%. Chất lượng phổ cập giáo dục THCS có xu hướng tăng lên ở các địa bàn kinh tế - xã hội phát triển. Tỷ lệ người biết chữ trong độ tuổi chiếm tỷ lệ trên 94%.

- Tỷ lệ học sinh tốt nghiệp THCS được tiếp tục học trung học (phổ thông, bổ túc, trung cấp) trên toàn tỉnh :

Năm học 2016-2017, toàn có 8.396 học sinh tốt nghiệp THCS, được phân luồng như sau: Tuyển vào học lớp 10 tại các trường THPT: 7.536 em, tỷ lệ 89,8%; vào lớp 10 tại các trung tâm GDNN- GDTX: 151 em, tỷ lệ 1,8 %; Học nghề và tham gia lao động sản xuất: 709 em, tỷ lệ 8,4 %

3. Kết quả huy động, phân bổ và sử dụng nguồn lực 6 tháng đầu năm 2017: *Số liệu theo biểu đính kèm*

4. Kết quả thực hiện tiêu chí về giáo dục

- Số xã đạt chuẩn tiêu chí số 5: Có 17/61 xã đạt chuẩn tiêu chí.
- Số xã đạt chuẩn tiêu chí số 14: Có 49/61 xã đạt chuẩn tiêu chí.
- Số xã đạt chuẩn cả 2 tiêu chí 5 và 14: Có 14/61 xã đạt chuẩn tiêu chí.
- Số xã (đã đạt chuẩn cả 2 tiêu chí) nâng cao chất lượng chuẩn: Có 2/61 xã đạt chuẩn tiêu chí.

*Số liệu theo biểu đính kèm*

## **II. Đánh giá chung về tình hình triển khai**

1. Những mặt đạt được

- Trong những năm qua, sự nghiệp Giáo dục và Đào tạo Đắk Nông đã không ngừng phát triển về quy mô học sinh, Chính quyền các cấp đã tập trung đầu tư xây dựng CSVC trường học, nên diện mạo các trường phổ thông ngày càng khang trang hơn, đảm bảo phòng học để không có tình trạng học ca 3, có nhiều trường học đã triển khai mô hình học 2 buổi/ngày. Trang thiết bị dạy học hàng năm được bổ sung và hoàn thiện dần, góp phần đáng kể vào việc nâng cao chất lượng dạy và học.

- Tỉnh vẫn duy trì và nâng cao kết quả chống mù chữ, phổ cập giáo dục Tiểu học, phổ cập giáo dục THCS, phổ cập Giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi.

- Mạng lưới các trường Mầm non, tiểu học, THCS, THPT bố trí hợp lý, thuận lợi cho việc học tập của con em, nhất là vùng nông thôn. Nhờ thực hiện tốt các chính sách hỗ trợ học tập nên tỷ lệ học sinh đi học tiểu học, THCS và THPT ngày càng cao.

2. Những khó khăn, vướng mắc

- Cơ sở vật chất trường học nhìn chung chưa đồng bộ, nên phần lớn chưa đạt các tiêu chí 5; phần lớn các trường học ở nông thôn thiếu phòng bộ môn, phòng

phục vụ học tập, khối phòng hành chính quản trị, công trình vệ sinh nước sạch nhất các trường mầm non và tiểu học.

- Ngân sách đầu tư phát triển cho xây dựng trường chuẩn còn hạn chế, dàn trải, khả năng huy động nguồn lực từ xã hội hóa còn khó khăn, nên việc phát triển quy mô trường đạt chuẩn quốc gia còn chậm; đây là khó khăn lớn nhất để thực hiện kế hoạch.

- Việc phân luồng học sinh sau tốt nghiệp THCS chưa cân đối, chưa phù hợp với yêu cầu phát triển nguồn lao động của tỉnh; phần lớn học sinh sau tốt nghiệp THCS vào học THPT, rất ít học sinh tốt nghiệp THCS vào các trường trung cấp chuyên nghiệp, trung cấp nghề. Liên thông giữa giáo dục nghề nghiệp với các bậc học khác trong hệ thống giáo dục còn nhiều khó khăn.

- Hoạt động giáo dục hướng nghiệp còn hạn chế. Nhận thức của đa số phụ huynh và học sinh còn thiên về đại học, cao đẳng, xem nhẹ việc học nghề, mặt khác nhu cầu tuyển dụng đối với người học nghề trên địa bàn tỉnh còn thấp.

- Kinh phí để thực hiện chương trình Nông thôn mới còn hạn chế vì vậy việc đầu tư xây dựng các trường lớp học theo các tiêu chuẩn của chương trình đề ra còn gặp nhiều khó khăn.

### **III. Nhiệm vụ thực hiện chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới thuộc lĩnh vực giáo dục 6 tháng cuối năm 2017**

#### **1. Mục tiêu.**

- Số xã đạt chuẩn tiêu chí số 5: Có thêm 02 xã đạt chuẩn tiêu chí.
- Số xã đạt chuẩn tiêu chí số 14: Có thêm 04 xã đạt chuẩn tiêu chí.
- Số xã đạt chuẩn cả 2 tiêu chí 5 và 14: Có thêm 03 xã đạt chuẩn tiêu chí.
- Số xã (đã đạt chuẩn cả 2 tiêu chí) nâng cao chất lượng chuẩn: Có 04 xã đạt chuẩn tiêu chí.

#### **2. Nhiệm vụ, giải pháp thực hiện.**

- Tập trung thực hiện tốt công tác tuyên truyền, vận động để làm chuyển biến mạnh mẽ nhận thức của cán bộ, giáo viên và người dân về Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới trên địa bàn.

- Duy trì phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi, tiếp tục quan tâm xóa mù chữ và chống tái mù chữ cho người dân nông thôn, nhất là các vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số; duy trì và nâng cao kết quả phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi và phổ cập giáo dục trung học cơ sở một cách bền vững.

- Tập trung huy động các nguồn lực trong xã hội bằng cách huy động sự đóng góp của các cấp, các ngành, của mọi cá nhân, tập thể, góp phần vào quá trình xây dựng trường chuẩn quốc gia trên địa bàn toàn tỉnh.

- Đẩy nhanh tiến độ triển khai xây dựng mới, sửa chữa về phòng học, các phòng chức năng, khu hiệu bộ, khu nhà vệ sinh, cổng tường rào... và trang thiết bị

dạy học bên trong để các trường trên địa bàn 6 xã đủ điều kiện công nhận đạt chuẩn quốc gia trong năm 2017.

3. Kết quả huy động, phân bổ và sử dụng nguồn lực 6 tháng cuối năm 2017: Số liệu theo biểu đính kèm.

#### **IV. Đề xuất, kiến nghị**

Kính đề nghị Bộ Giáo dục và Đào tạo tham mưu các Bộ, Ngành chức năng phối hợp lồng ghép các nguồn vốn Chương trình mục tiêu, Dự án để cho tỉnh Đắk Nông có nguồn vốn để thực hiện hai tiêu chí (tiêu chí số 5 và 14) của giáo dục trong tổng số 19 tiêu chí xây dựng Nông thôn mới của địa phương.

Trên đây là báo cáo tình hình thực hiện chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới thuộc lĩnh vực giáo dục 6 tháng đầu năm và nhiệm vụ 6 tháng cuối năm 2017, Sở Giáo dục và Đào tạo kính báo cáo Bộ Giáo dục và Đào tạo xem xét, tổng hợp theo quy định./.

Nơi nhận: *Qua*

- Như kính gửi;

- Lưu: VT; KH-TC (D).

**KT GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC**



**PHAN THANH HẢI**



Phụ lục 2

**CÁC VĂN BẢN HƯỚNG DẪN, CHỈ ĐẠO VÀ CƠ CHẾ CHÍNH SÁCH DO ĐỊA PHƯƠNG BAN HÀNH ĐỂ THỰC HIỆN  
CHƯƠNG TRÌNH MÔTQX XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI GIAI ĐOẠN 2016-2020**

(Kèm theo công văn số 1166/SGDDT-KHTC ngày 5/7/2017 của Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Đắk Nông)



TT	Loại văn bản	Số, ngày, tháng ban hành	Trích yếu	Mục tiêu	Nội dung chủ yếu của cơ chế chính sách	Đơn vị ban hành	Ghi chú
1	Quyết định	391/QĐ-UBND ngày 07/03/2017	V/v ban hành bộ tiêu chí xã nông thôn mới giai đoạn 2016-2020 tỉnh Đắk Nông			UBND tỉnh Đắk Nông	
2	Quyết định	995/QĐ-UBND ngày 13/6/2017	V/v ban hành số tay hướng dẫn thực hiện Bộ tiêu chí về xã nông thôn mới giai đoạn 2016-2020 của tỉnh Đắk Nông			UBND tỉnh Đắk Nông	

Phụ lục 3

**BỘ CHỈ SỐ THEO DÕI THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MTQG XDNTM GIAI ĐOẠN 2016-2020**

(kèm theo công văn số 165/SGDDĐT-KHTC ngày 5/7/2017 của Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Đắk Nông)



TT	Chỉ số		ĐVT	Cuối năm 2015	Năm 2016	Mục tiêu đến 2020
<b>I</b>	<b>Chỉ số kết quả thực hiện các nội dung của chương trình</b>					
	Hạ tầng kinh tế xã hội	Cơ sở vật chất thiết bị dạy học	1.1. Tỷ lệ số xã đạt tiêu chí số 5 (trường học)	21,31	27,87	36,07
1			1.2. Tỷ lệ số trường mầm non, mẫu giáo có CSVC và TBDH đạt chuẩn quốc gia	11,93	13,27	15,00
			1.3. Tỷ lệ số trường Tiểu học có CSVC và TBDH đạt chuẩn quốc gia	29,58	30,28	35,00
			1.4. Tỷ lệ số trường THCS có CSVC và TBDH đạt chuẩn quốc gia	32,53	33,73	40,00
			1.5. Tỷ lệ số trường học (điểm chính) có công trình cấp nước và nhà tiêu hợp vệ sinh	85,60	87,60	90,00
2			2.1. Tỷ lệ số xã đạt tiêu chí số 14 (Giáo dục và đào tạo)	77,05	80,33	100,00
<b>II</b>	<b>Chỉ số theo dõi nguồn lực</b>					
			Ngân sách trung ương	5.500,00		
			Ngân sách địa phương	6.875,40	6.094,30	
	Cơ cấu nguồn lực huy động	Thực hiện tiêu chí số 5	Ngân sách lồng ghép	1.250,00		
			Vốn tín dụng (nếu có)	224,00		
			Vốn doanh nghiệp (nếu có)			
			Vốn người dân và cộng đồng đóng góp	4.790,00	6.528,00	
1			Ngân sách trung ương	4.680,00	2.400,00	
			Ngân sách địa phương		195,05	
	Cơ cấu nguồn lực huy động	Thực hiện tiêu chí số 14	Ngân sách lồng ghép			
			Vốn tín dụng (nếu có)			
			Vốn doanh nghiệp (nếu có)			
			Vốn người dân và cộng đồng đóng góp			
					14,08	



Phụ lục 5

**KẾT QUẢ THỰC HIỆN BỘ TIÊU CHÍ CHƯƠNG TRÌNH MTQG XÂY DỰNG NTM 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2017**

(kèm theo công văn số 1166/SGDDĐT-KHTC ngày 5/7/2017 của Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Đắk Nông)



TT	Mục tiêu	Kết quả đến 31/12/2015	Thực hiện 6 tháng đầu năm 2017	Kế hoạch 6 tháng cuối năm 2017	Ghi chú
<b>I</b>	<b>Thực hiện bộ tiêu chí cấp xã</b>				
1	Số xã đạt chuẩn tiêu chí số 5	13/61 xã	17/61 xã	19/61 xã	
2	Số xã đạt chuẩn tiêu chí số 14	47/61 xã	49/61 xã	53/61 xã	
3	Số xã đạt chuẩn 2 tiêu chí số 5 và số 14	10/61 xã	14/61 xã	17/61 xã	
4	Số xã (đã đạt chuẩn 2 tiêu chí) nâng cao chất lượng chuẩn	2/61 xã	2/61 xã	4/61 xã	
<b>II</b>	<b>Thực hiện bộ tiêu chí cấp huyện</b>				
5	Số huyện đạt chuẩn tiêu chí số 5 (nội dung 5.3 - về THPT đạt chuẩn)	-	-	-	